

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

(Quý 3/2021)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

NAV ngày 30/09/2020 (VNĐ)	NAV ngày 30/09/2021 (VNĐ)
107.216.789.751	111.326.914.007

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 3,83% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng)	100.061.272.100
Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ)	10.006.127,21

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.006.127,21CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.061.272.100 VNĐ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/09/2021 (%)	30/09/2020 (%)	30/09/2019 (%)
1. Tiền gửi ngân hàng	1,46	0,55	0,24
2. Các khoản tương đương tiền	0	0	19,51
3. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	81,77	86,38	48,77
4. Chứng chỉ tiền gửi	13,43	9,31	29,26
5. Khác	3,33	3,75	2,22
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/09/2021	30/09/2020	30/09/2019
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	111.326.914.007	107.216.789.751	102.254.834.329
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	10.006.127,21	10.049.142,30	10.061.095,40
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ)	11.125,87	10.669,25	10.163,39
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	11.125,87	10.669,25	10.163,39
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	11.030,20	10.549,26	10.056,25
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước.	4,27	4,98	2,36
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	0,00	0,00	0,00
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước.	4,27	4,98	2,36
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,05	2,07	2,14
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	0,00	0,00	19,67

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	4,28	4,28
- 3 năm	9,47	4,62
- Từ khi thành lập	11,26	4,37
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	21,07% (***)	4,49%

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/09/2021 (%)	30/09/2020 (%)	30/09/2019 (%)	30/09/2018 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	4,27	4,98	2,36	N/A

Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

N/A (**): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

(***): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế Vĩ mô:

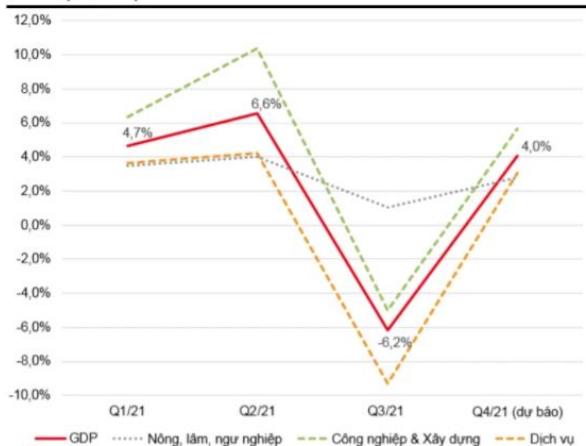
Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Tăng trưởng GDP Quý III giảm mạnh nhất kể từ khi công bố số liệu theo quý với mức âm 6,17%. Nguyên nhân là do sự bùng phát nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19 lần thứ 4 đã ảnh hưởng tới mọi hoạt động kinh tế. Nhiều khu vực kinh tế trọng điểm tại các tỉnh thành phía Nam, đặc biệt là TP.HCM đã phải thực hiện giãn cách xã hội để chống dịch. Tính chung GDP 9 tháng, kinh tế Việt Nam chỉ tăng 1,42% so với mức 2.12% của 9T.2020, đây là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

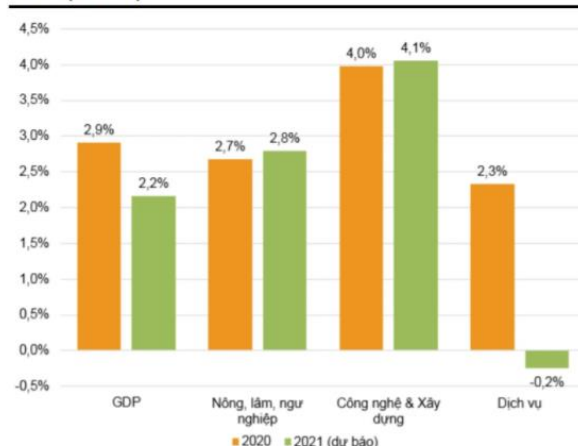
Nhóm Dịch vụ Tiêu dùng Quý III chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh khi ghi nhận mức giảm mạnh 9,28%, chủ yếu đến từ các ngành dịch vụ ăn uống, vận tải kho bãi, bán buôn bán lẻ, bất động sản. Nhóm Công nghiệp & xây dựng cũng chịu ảnh hưởng khi giảm 5,02% so với cùng kỳ năm 2020 ở tất cả các khu vực và giảm sâu nhất ở các nhóm xây dựng, khai khoáng. Cụ thể, sản xuất công nghiệp trong Quý III gặp nhiều khó khăn, nhất là tại các tỉnh có khu công nghiệp lớn phải thực hiện giãn cách xã hội. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp trong Quý III giảm 3,5% so với cùng kỳ 2020.

Nhóm ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 1,04 % so với cùng kỳ 2020 chủ yếu nhờ khu vực nông và lâm nghiệp. Bên cạnh đó, điểm sáng trong nhóm Dịch vụ là sự tăng mạnh của khu vực Y tế; Tài chính ngân hàng lần lượt là 38,65% và 7,13% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 24: Dự báo tăng trưởng GDP quý theo ngành trong kịch bản cơ sở (% svck)



Hình 25: Tăng trưởng GDP năm 2021 theo ngành trong kịch bản cơ sở (% svck)



Nguồn: GSO

Lạm phát

Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp: CPI QuýIII tăng 2,51% và 9 tháng lần lượt tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Trong rổ chỉ số thành phần, một số yếu tố tăng mạnh như giá xăng dầu, giá gạo, giá nhiên vật liệu đầu vào. Ngược lại giá các mặt hàng thực phẩm (giá thịt heo), giá điện giảm, do đó, lạm phát cơ bản giữ ở mức thấp kể từ năm 2011, 9T.21 tăng 0,88% so với 2020.

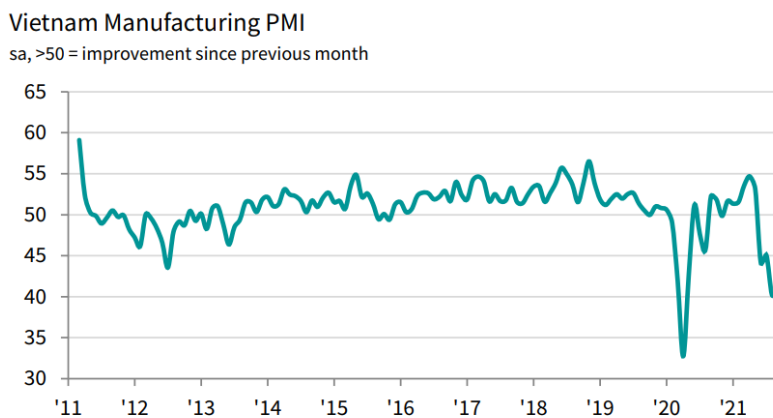
Lạm phát các tháng cuối năm có thể gặp áp lực tăng từ các yếu tố (1) Giá nhiên liệu thế giới tăng tạo áp lực tăng giá xăng dầu; (2) Giá thực phẩm có thể tăng khi giá thức ăn chăn nuôi tăng; (3) Cầu tiêu dùng dần hồi phục sau thời gian giãn cách trong khi chuỗi cung ứng hồi phục chậm. Tuy nhiên, lạm phát năm 2021 vẫn trong mức kiểm soát dưới 3% và năm 2022 lạm phát có thể tăng lên do độ trễ từ các chính sách tài khóa, tiền tệ.



Hoạt động sản xuất

IHS Markit vừa công bố báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2021. Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2021 không thay đổi so với tháng trước, vẫn ở mức 40,2 điểm, báo hiệu một điều kiện kinh doanh xấu đi rõ rệt trong toàn ngành. Các đơn đặt hàng mới cũng giảm mạnh, và ở mức độ lớn nhất kể từ tháng 4/2020...

Trong đó có ba điểm nhấn đáng chú ý: Số lượng công việc tồn đọng tăng nhanh nhất được ghi nhận khi sản lượng giảm mạnh; Trình độ nhân sự giảm với tốc độ kỷ lục và sự gián đoạn chuỗi cung ứng chưa từng có vẫn tiếp tục. Báo cáo nêu rõ, sản lượng của ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm mạnh trong tháng 9, khi lĩnh vực này tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 và những hạn chế được đưa ra để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.



Nguồn: FiinPro, IHS Market

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá

Cán cân thương mại trở lại trạng thái xuất siêu trong tháng 9. Sau 6 tháng nhập siêu liên tục tháng 9, Việt Nam xuất siêu 0,5 tỷ USD nhờ vào việc xuất khẩu từ các khu vực có vốn nước ngoài và các mặt hàng nông sản, hóa chất, sắt thép, điện tử. Mặc dù vậy, cán cân thương mại Quý III tiếp tục nhập siêu 0,85 tỷ USD, tuy nhiên việc xuất siêu trở lại là tín hiệu đáng mừng. Tính từ đầu năm, xuất khẩu ước tính đạt 240,52 tỷ USD, vẫn đang tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước và dự kiến tiếp tục được đẩy mạnh sau khi dỡ bỏ tình trạng giãn cách.

Nhóm Xuất khẩu: Cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu khi nền kinh tế mở cửa trở lại sau đại dịch, đặc biệt các hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng sẽ trở lại trạng thái bình thường. Chúng tôi đánh giá mảng xuất khẩu sẽ phục hồi mạnh mẽ nhờ vào các yếu tố sau (1) Chuỗi cung ứng toàn cầu đang có xu hướng dịch chuyển và Việt Nam là một trong những điểm đến của xu hướng trên; (2) Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại trên thế giới như EVFTA, CPTPP, UKVFTA,... Điều này giúp giảm mức thuế với các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam về mức 0% và tạo động lực tăng cường giao thương; 3) Nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ sau khi nền kinh tế tái khởi động. Một số nhóm ngành có nhiều động lực tăng trưởng trong Quý IV nhờ xu thế này bao gồm sắt thép, gỗ và các sản phẩm gỗ, may mặc, thủy hải sản.

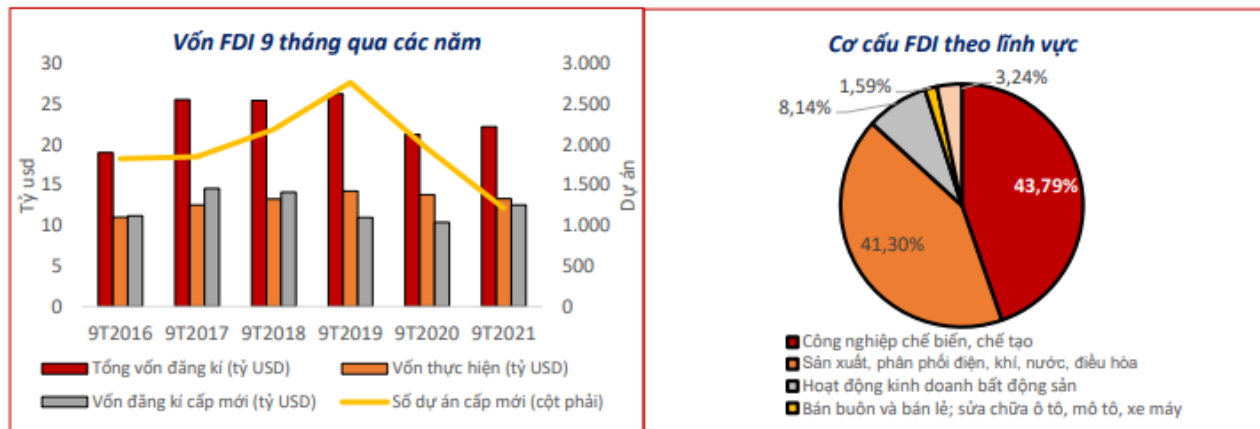
Hoạt động đầu tư

Tiền độ giải ngân đầu tư công vẫn còn chậm: 9T2021, vốn đầu tư công của khu vực Nhà nước thực hiện ước tính đạt 276,3 nghìn tỷ đồng, bằng 57,3% kế hoạch năm và giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Mục tiêu giải ngân 60% kế hoạch vào Quý III vẫn chưa hoàn thành do tình hình giãn cách xã hội. Bên cạnh đó, các dự án thực hiện 9T.2021 chủ yếu là chuyển tiếp từ 2016 -2020 với khoảng 2.511 dự án, chỉ có 490 dự án mới. Chính phủ tập trung đẩy mạnh giải ngân tại các dự án quốc gia như cao tốc Bắc Nam, sân bay Long Thành nhưng vẫn còn chậm so với kế hoạch do thiếu nguồn vật liệu xây dựng và chậm giải phóng mặt bằng. Cụ thể, sân bay Long Thành tỷ lệ giải ngân giai đoạn 1 đạt 46%, cao tốc Bắc Nam đạt 58,5%.

Với các động thái thúc đẩy giải ngân đầu tư trong những tháng cuối năm, chúng tôi kỳ vọng đầu tư công sẽ là “đầu kéo” chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong Quý IV và năm 2022.

Vốn FDI vào Việt Nam vẫn tiếp tục tăng: FDI thực hiện 9 tháng lần đầu ghi nhận giảm gần 4% so với cùng kỳ năm 2020, ước đạt 13,3 tỷ USD do tình hình giãn cách xã hội, các nhà máy đóng cửa hoặc ngưng sản xuất. Tuy nhiên, FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến 20/9 đạt 22,2 tỷ USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước với các tín hiệu tích cực từ các doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG, Intel Products. Mức tăng trở lại sau 3 tháng gần đây của FDI đăng ký mới cho thấy Việt Nam vẫn là điểm sáng thu hút dòng vốn. Cơ cấu vốn FDI vẫn tập trung đầu tư vào các khu công nghiệp chế biến, chế tạo

sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp từ các doanh nghiệp nước ngoài



Nguồn: GSO

Thị trường chứng khoán:

Diễn biến gần như đi ngang của TTCK Việt Nam trong tháng 8 và tháng 9 phù hợp bối cảnh vĩ mô và không cho thấy sự phản ứng quá đà. Tâm lý thị trường cho thấy sự ổn định nhờ các số liệu vĩ mô được hấp thụ dần theo tháng và cũng không nằm ngoài dự đoán. Điểm tích cực là dòng tiền vẫn duy trì tốt trên thị trường khi trú ẩn ở nhóm vốn hóa thấp và một số ngành dự kiến có KQKD tích cực trong quý 3 trong khi chờ đợi xu hướng sắp tới.

Chỉ số VN Index vẫn đang trong giai đoạn giằng co và đi ngang trong kênh giá 1.320 – 1.360. Xu hướng đi ngang của chỉ số sẽ kết thúc khi xảy ra 1 trong 2 kịch bản: (1) Xu hướng Tăng ngắn hạn của VNIndex sẽ được xác nhận khi chỉ số chinh phục thành công kháng cự 1.360 điểm với khối lượng tích cực (2) Rủi ro điều chỉnh ngắn hạn sẽ quay trở lại với VNIndex nếu chỉ số kết thúc giai đoạn tích lũy bằng một cây nến giảm điểm, phá vỡ hỗ trợ 1.320 đi cùng thanh khoản gia tăng.

- Hệ số định giá P/E năm 2021 và 2022 của chỉ số VNIndex hiện đang ở mức 16,05 lần và 12,87 lần vào ngày 5/10, cho thấy khả năng tăng duy trì trong dài hạn

Thị trường trái phiếu

- Trong Q 3 2021 KBNN dự kiến phát hành 120.000 tỷ đồng TPCP bao gồm các kỳ hạn 5 năm 10.000 tỷ đồng), 7 năm 8.000 tỷ đồng), 10 năm 40.000 tỷ đồng), 15 năm 50.000 tỷ đồng), 20 năm 5.000 tỷ đồng) và 30 năm 7.000 tỷ đồng) Tính đến hết tháng 9 KBNN đã phát hành tổng cộng 96.221 nghìn tỷ đồng TPCP trong Quý, tương ứng 80,2 Kế hoạch Quý 3 Tính từ đầu năm đến hết tháng 9 kết quả phát hành TPCP đạt 237 714 tỷ đồng, tương đương 68 %kế hoạch cả năm.

- So với tháng trước, Lãi suất giao dịch TPCP không có biến động lớn Lãi suất giao dịch TPCP dao động với biên độ nhỏ hơn 5 điểm so với trung bình tháng trước ở tất cả các kỳ hạn. So với mặt bằng lãi suất năm ngoái, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn từ 52 – 79bps. Lãi suất TPCP Việt Nam ở mức tương đối thấp trong khu vực. Khoảng cách giữa lãi suất giữa Việt Nam và Mỹ từ đầu tháng 9 tới nay có xu hướng thu hẹp từ 0,76%-0,62% kỳ hạn 10 năm.
- Trong 9 tháng đầu năm có tổng cộng 596 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị đạt 362 nghìn tỷ đồng, trong đó có 582 đợt phát hành riêng lẻ và 14 đợt phát hành ra công chúng, 3 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế tổng giá trị 1 tỷ USD.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	4,27	4,61	6,94
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	0,00	N/A	0,00
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	4,27	4,61	6,94
Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ	4,28	4,62	4,37
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A (1)	N/A (1)	N/A (1)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A (2)	N/A (2)	N/A (2)

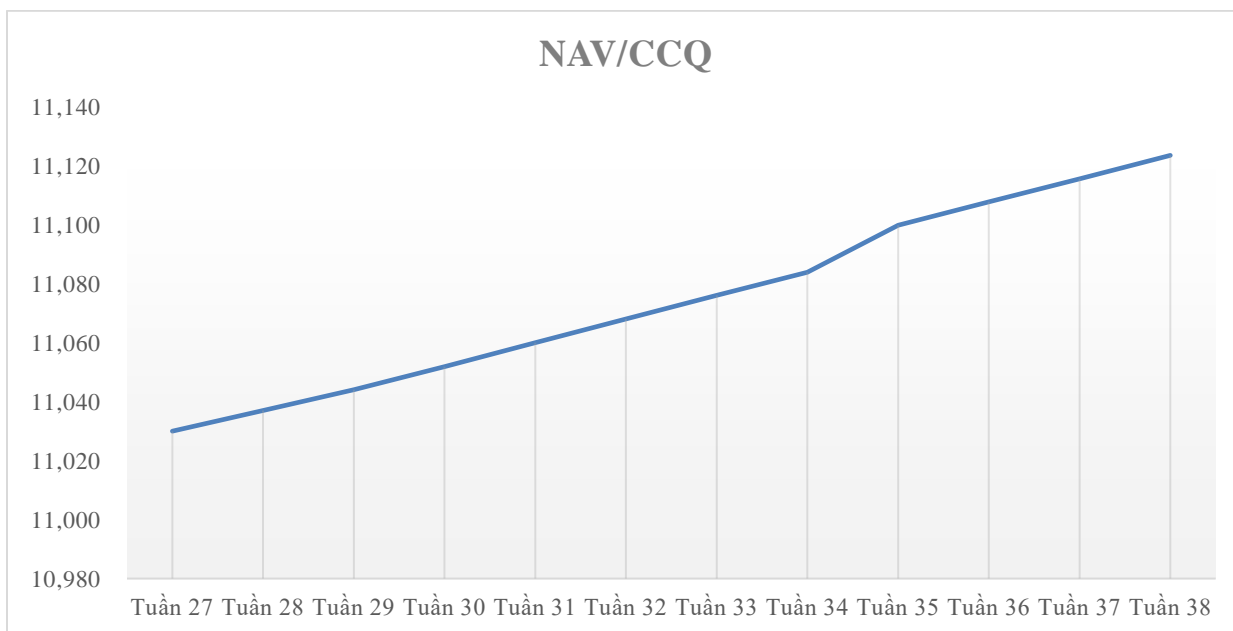
Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.

N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:



● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/09/2021	30/09/2020	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3= ((1) - (2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	111.326.914.007	107.216.789.751	3,83%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.125,87	10.669,25	4,28%

Trong giai đoạn từ 30/09/2020 đến 30/09/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 3,83% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	124	36.537,37	0,37%
Từ 5.000 - 10.000	2	10.100,00	0,10%
Từ 10.000 đến 50.000	0	0	0,00%
Từ 50.000 đến 500.000	-	-	0,00%
Trên 500.000	1	9.959.489,84	99,53%
Tổng cộng	127	10.006.127,21	100,00%

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mặt bằng lãi suất TPCP có thể chuyển sang giai đoạn đi ngang trong năm 2021 sau khi đã giảm về mức thấp kỷ lục năm 2020. TPCP kỳ hạn 30 năm dao động khoảng 3,00 – 3,05%/ năm. Dự địa giảm thêm của mặt bằng lãi suất đã trở nên hẹp dần hơn giai đoạn giảm liên tiếp trong hơn nhiều năm qua.

- Thứ nhất: 2021 được dự báo là “đỉnh nợ” của Việt Nam với mức đáo hạn TPCP lên đến hơn 160 nghìn tỷ đồng (chỉ tính riêng phần phát hành ra công chúng). Cộng với mức dự toán thâm hụt Ngân sách Nhà nước (NSNN) khoảng 344 nghìn tỷ, Kho Bạc Nhà Nước được dự báo sẽ phát hành khoảng 350 nghìn tỷ TPCP để đảm bảo cân đối NSNN. Nhu cầu phát hành cao khiến Chính phủ sẽ tiếp tục các chính sách tiền tệ nới lỏng để duy trì mặt bằng lợi suất thấp.
- Thứ hai: lãi suất không có nhiều dư địa để giảm thêm nếu đặt trong tương quan so sánh với lạm phát.
- Thứ ba: Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm, NHNN vẫn tiếp tục không có động thái trên thị trường mở khiến cho số dư trên kênh OMO và phát hành tín phiếu ở mức không. Giải ngân vốn đầu tư công có cải thiện nhưng chưa đáng kể.

Rủi ro biến động động ngoài dự kiến cho mặt bằng lãi suất có thể sẽ đến từ: (i) khả năng Việt Nam bị đánh thuế bởi Mỹ ;(ii) mức độ nới lỏng chính sách điều hành.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty	Kỹ sư	<p>Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life.</p> <p>Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam</p> <p>Từ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam</p>
Bùi Thanh Hiệp	Phó chủ tịch Công ty	CPA	<p>Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam</p> <p>Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam</p> <p>Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN</p> <p>Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam</p> <p>Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam</p> <p>Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam</p>
Đặng Thị Hồng Loan	Giám đốc Công ty	CFA	<p>Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam</p> <p>Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam</p> <p>Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life</p>

Ban đại diện quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	Cử nhân	<p>Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ</p> <p>Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ</p> <p>Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam</p> <p>Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam</p> <p>Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt</p> <p>Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt</p> <p>Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC</p> <p>Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB</p>
Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	Thạc sỹ	<p>Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.</p> <p>Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p> <p>Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam</p> <p>Từ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p>
Trần Việt Hương	Thành viên	Luật sư	<p>Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC</p> <p>Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC</p> <p>Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới</p> <p>Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia</p>

			<p>Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir</p> <p>Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân</p>
--	--	--	---

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Cử nhân	<p>Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.</p> <p>Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.</p> <p>Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.</p> <p>Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.</p> <p>Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.</p>
Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	Cử nhân	<p>Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân.</p> <p>Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long.</p> <p>Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV Từ 09/2020 đến nay: Giám sát - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.</p>

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE
Phó Chủ tịch Công ty

Bùi Thanh Hiệp